

## BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT TÁC PHẨM *LUẬN NGỮ GIẢI QUỐC ÂM NGHĨA TẶNG BỔ ĐẠI TOÀN BỊ CHỈ*<sup>(1)</sup>

BÙI BÁ QUÂN (\*)

### 1. Một số vấn đề về văn bản

*Luận ngữ giải quốc âm nghĩa tặng bổ đại toàn bị chỉ* (gọi tắt là *Luận ngữ ước giải*) là tập thứ ba trong bộ *Tứ thư ước giải*, hiện chỉ còn một bản in trùng san năm Minh Mệnh thứ 20 (1839), lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AB.270/3. Toàn văn bản hiện chỉ còn 3 quyển, gồm 6 thiên trong tổng số hai mươi thiên của sách *Luận ngữ*. Đó là các thiên được sắp xếp theo thứ tự từ *Vệ Linh Công*, *Quý thị*, *Dương Hóa*, *Vi Tử*, *Tử Trương* đến *Nghiêu viết*. Bộ cục văn bản như sau: Quyển 10 gồm 2 thiên *Vệ Linh Công* và *Quý thị*, quyển 11 gồm 2 thiên *Dương Hóa* và *Vi Tử*, quyển 12 gồm 2 thiên *Tử Trương* và *Nghiêu viết*. Căn cứ vào phần mục lục *Tứ thư ước giải* thì *Luận ngữ ước giải* gồm 10 quyển từ quyển 3 đến quyển 12, chia thành 20 thiên theo thứ tự từ *Học nhị đệ nhất* đến *Nghiêu viết đệ nhị thập*. Do đó khẳng định văn bản *Luận ngữ ước giải* đã bị tàn khuyết. Sự tàn khuyết này có thể do ván in văn bản bị mục nát<sup>(2)</sup>, hoặc có thể sau khi thành thư đã bị thất tán.

Sách gồm 98 trang, trang 8 dòng, chữ viết theo lối khải thư, được trình bày theo thứ tự từ tên quyển, tên thiên, lời dẫn, chính văn từng chương, dịch Nôm, bình giải. Trong đó, cỡ chữ phân tên quyển, tên thiên và chính văn là 1,5cm; cỡ chữ phân dịch Nôm, bình giải là 1cm. Văn bản có ngắt câu, mép sách có ghi tên quyển, tên sách, số tờ và dòng chữ Hải Học đường.

Văn bản không ghi tên người biên soạn, thông qua bài tựa của *Tứ thư ước giải* (*Trùng khắc Tứ thư ước giải tựa*), chúng tôi nắm được một số thông tin rất chung chung về người biên soạn tác phẩm này. Bài tựa viết: "Huống ngã quốc âm ngữ hựu dữ Trung Quốc bất đồng, giáo chi vu hữu nan giả. Thị cố tiên đại sư nho diễn phương thổ chi âm vi *Tứ thư ước giải tặng bổ đại toàn bị chỉ*, hào li miêu hốt, vô sở bất dụng kì lực yên" 况我國音語又與中國不同,教之尤有難者.是故先代師儒演方土之音爲《四書約解曾補大全備旨》豪(毫)

(\*) CN. Trường Đại học KHXH & Nhân văn, HN.

釐秒忽, 無所不用其力焉. (Huống chi âm ngữ nước ta lại không giống với Trung Quốc, vì thế dạy *Tứ thư* có điều trở ngại. Bởi vậy các bậc sư nho đòi trước mới diễn thành âm phương thổ, soạn ra sách *Tứ thư ước giải* tăng bổ đại toàn bị chỉ, dẫu mây may tơ tóc cũng đều là công sức vậy). Vì thế sách này có thể do một hoặc nhiều thể hệ "sư nho đòi trước" biên soạn. Sách ghi rõ quê quán, học vị của người hiệu đính là "Diên Hà Bảng nhãn quan" 延河榜眼官<sup>(3)</sup>, tức Bảng nhãn Lê Quý Đôn người Diên Hà; tên nhà in là Úc Văn đường 郁文堂. Tiếp đó bài tựa lại ghi: "Dư thiếu tráng tông nhưng, trung niên thụ chính, Thi, Thư, Ngữ, Mạnh chi huấn diệc thường hữu chí, nhi vị năng cập. Công sự chi hạ, thời hoặc vãng lai gia thực, dữ tử nữ đệ diệt bồi du diễn vụ kì gian, mỗi thủ *Tứ thư ước giải* tụng chi. Triếp năng biện cú đậu, thức âm nghĩa. 余少壯從戎, 中年受政, 《詩》, 《書》, 《語》, 《孟》之訓亦嘗有志, 而未能及. 公事之暇, 時或往來家塾, 與子女弟姪輩遊行于其間, 每取《四書約解》誦之. 輒能辨句讀, 識音義". (Tôi thuở trẻ theo nghiệp binh nhưng, đến buổi trung niên nhận việc chính sự, đối với lời răn dạy trong các sách Thi, Thư, Ngữ, Mạnh từng có chí hướng nhưng còn chưa đến nơi. Nhân việc công rảnh rỗi, thường qua lại nhà học, cùng con em học tập ở đó, riêng đọc *Tứ thư ước giải*, bèn có thể phân biệt cú đậu, thông hiểu âm nghĩa...). Mặc dù hiện chưa đủ cứ liệu để khẳng định Lê Quý Đôn là tác giả đoạn văn trên, song ít nhiều nội dung đó cũng có liên quan tới sự nghiệp và sở học của Lê Quý Đôn.

Văn bản không ghi rõ thời gian biên soạn. Tuy nhiên căn cứ vào việc hiệu đính của Lê Quý Đôn và một số chữ Nôm có tự dạng cổ như *lời 廁*, *một 蔑 trước 黷*, *sau 轉*, *trăng 穰* v.v (không viết: *lời 𪗇*, *một 沒*, *trước 糶*, *sau 𪗇*, *trăng 𪗇* như trong các văn bản thời Nguyễn sau này) xuất hiện trong văn bản, nên khẳng định tác phẩm này được biên soạn và khắc in vào khoảng thời Lê, cụ thể là trước năm 1784 (năm Lê Quý Đôn mất). Lại căn cứ vào dòng niên đại ghi trong tác phẩm thì biết thời gian "trùng san" vào ngày tốt tháng 6 niên hiệu Minh Mệnh thứ 20 [1840] (Hoàng triều Minh Mệnh nhị thập niên quế nguyệt cát nhật trùng san).

Khảo sát văn bản thấy có dấu hiệu kiêng húy chữ "chủng" (種) viết bớt nét. Thế nhưng hiện tượng kiêng húy này không hoàn toàn nhất quán trong toàn bộ văn bản, nên chúng tôi cho rằng, qua thời gian lâu ngày, một số ván khắc bị mục nát, đến khi trùng san, những ván khắc bị mục này được làm mới, nên có hiện tượng kiêng húy, những ván khắc cũ vẫn giữ nguyên diện mạo và nội dung vốn có.

## 2. Cách thức dịch giải tác phẩm

So sánh toàn bộ sáu thiên *Luận ngữ* trong văn bản với chính văn *Luận ngữ* thông hành thì thấy có hai trường hợp khác biệt: trường hợp thứ nhất thiếu chữ "bất" (不) trong chương 15 thiên *Dương Hóa*: "Từ viết: Bỉ phu khả dĩ sự quan dã dư tai? Kì vị đắc chi dã, hoạn đắc chi; kí đắc chi, hoạn thất chi. Cầu hoạn thất chi, vô sở bất chí hĩ" - 子曰: 鄙夫可與事君也與哉? 其未得之也患得之; 既得之, 患失之. 苟患失之, 無所不至矣. Trường hợp thứ hai là san chương

trùng lặp. Chương "Xảo ngôn lệnh sắc tiên hĩ nhân". 巧言令色鮮矣仁. *Tập chú* chua là "trùng xuất" và không chú giải. Vì chương này đã xuất hiện trong thiên *Học nhi*, nên văn bản này bỏ không chép.

Tác phẩm bố cục gồm 3 phần: dịch Nôm, chú giải âm đọc một số chữ khó, nhân vật, sự kiện và bình giải nghĩa lý. Dịch Nôm tên thiên, lời đề dẫn từng thiên và chính văn từng chương trong *Luận ngữ*. Các phần này được đặt dưới từng đoạn hoặc câu trong từng chương. Cách thức dịch theo lối trực dịch, một chữ Hán tương ứng với một chữ Nôm, đối với những danh từ chỉ tên người thì thêm đại từ nhân xưng, nhưng có phân biệt một cách nhất quán: đối với Khổng Tử, Phu Tử, Tăng Tử thêm đại từ "ông", chẳng hạn: ông Khổng Tử, ông Phu Tử, ông Tăng Tử... v.v... đối với danh xưng quân tử đều thêm đại từ "người", "đáng người"; đối với tên các học trò Khổng Tử, các nhân vật khác đều thêm đại từ "ngươi", ví dụ: ngươi Tử công, ngươi Tử Lộ, ngươi Trường Thụ, ngươi Kiệt Nịch v.v. Phần chú âm được đặt sau dịch Nôm của từng đoạn hoặc từng câu. Nhìn chung cách chú âm trong *Luận ngữ ước giải* hoàn toàn tương đồng với cách chú âm trong *Luận ngữ tập chú* của Chu Hi. Chẳng hạn: chữ "kiến" 見 chú là âm "hiện" 現, chữ "thực" 食 chú là âm "tự" 嗣, "thức" 識 chú là âm "chí" 至, chữ "phụ" chú là âm "phù" 扶, chữ "yên" 焉 đọc phiên thiết là "ư kiên thiết" 於虔切,... v.v. Phần chú giải sự kiện, nhân vật lại diễn giải rõ thêm.

Đối chiếu nội dung bình giải trong *Luận ngữ ước giải* với *Luận ngữ tập chú* của Chu Tử, thấy có nhiều điểm tương

đồng, cho thấy tác giả chịu ảnh hưởng sâu sắc quan điểm giải *Luận ngữ* của Chu Tử. Khi bình giải nghĩa lý của một chương, hoặc một câu trong *Luận ngữ*, tác giả có khi thì trích dẫn nguyên văn *Tập chú* của Chu Tử; Chương 8 thiên *Vệ Linh Công*: "Tử viết: Chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân." 子曰:志士仁人,無求生以害仁,有殺身以成仁. (Bậc chí sĩ nhân nhân không mong sống để hại người, có khi diệt thân để thành nhân). *Tập chú* và *Ước giải* đều giảng là: "Lí đương tử nhi cầu sinh, tắc ư kì tâm hữu bất an hĩ, thị hại kì tâm chi đức dã". 理當死而求生,則於其心有不安矣,是害其心之德也. (Theo lí nên chết mà mong sống thì đối với lòng mình có điều không yên, đó là làm hại cái đức của tâm ta vậy). Cũng có khi tác giả vừa trích dẫn nguyên văn, vừa diễn giải thêm *Tập chú*: chương 9 thiên *Vệ Linh Công*: "Tử Công vấn vi nhân. Tử viết: Công dục thiện kì sự, tất tiên lợi kì khí. Cư thị bang dã, sự kì đại phu chi hiền giả, hữu kì sĩ chi nhân giả". 子貢問爲仁.子曰:工欲善其事,必先利其器.居是邦也,事其大夫之賢者,友其士之仁者. (Tử Công hỏi về làm việc nhân. Đức Khổng Tử trả lời rằng: "Người thợ muốn làm tốt công việc của mình, ắt trước tiên phải làm cho công cụ sắc bén. Ở nước ấy thì thờ người hiền trong hàng đại phu của nước ấy, kết bạn với kẻ sĩ có nhân của nước ấy"). *Tập chú* giải rằng: "Hiền dĩ sự ngôn, nhân dĩ đức ngôn. Phu tử thường vị Tử Công duyệt bất nhược kì giả, cố dĩ thị cáo chi. Dục kì hữu sở nghiêm đạ thiết tha dĩ thành kì đức dã". 賢以事言,仁以德言.夫子嘗謂子

貢悅不若己者,故以是告之.欲其有所嚴憚切磋以成其德也.(Hiền là lấy việc mà nói, nhân là lấy đức mà nói. Phu tử từng bảo Tử Công vui với kẻ không bằng mình, vì vậy đem lời đó bảo cho. Muốn có sự nghiêm kính sợ hãi, rèn rũa mà thành được đức vậy.) Tác giả tuy trích nguyên văn *Tập chú*, nhưng có bổ sung thêm câu "Phù! Đan chi sở tàng giả xích, lê chi sở tàng giả hắc. Thị dĩ quân tử tất đan kì sở dĩ xử yên." 夫!丹之所藏者赤,梨之所藏者黑.是以君子必憚其所與處焉.(Ôi! Cát giầu viên đan là đỏ, cát giầu quả lê là đen. Cho nên bậc quân tử ắt sợ hãi ở chỗ xử sự vậy.) Lại có khi tác giả căn cứ nội dung *Tập chú* để giảng giải rõ thêm, khiến người đọc dễ hiểu: Chương 17 thiên *Tử Trương*: "Tăng Tử viết: Ngô văn chư Phu tử: Nhân vị hữu tự trí giả dã, tất dã thân tang hồ!" 曾子曰:吾聞諸夫子:人夫有自致者也,必也親喪乎!(Tăng Tử nói: "Ta nghe Phu tử nói: Người ta chưa có điều tự hết lòng, ắt phải có thì là tang cha mẹ vậy!"). *Tập chú* giải rằng: "Trí, tận kì cực dã. Cái nhân chi chân tình sở bất năng tự dĩ giả. Doãn thị viết: "Thân tang cố sở tự tận dã, ư thử bất dụng kì thành, ô hồ dụng kì thành." 致,盡其極也.蓋人之真情所不能自己者.尹氏曰:親喪固所自盡也,於此不用其誠,惡乎用其誠 (Trí là hết đến tột cùng vậy. Đại khái chân tình của người ta có điều không thể tự thôi. Họ Doãn nói: "Tang cha mẹ vốn có điều tự hết lòng, việc đó không dùng lòng thành thì còn thành kính ở đâu"). *Uớc giải* bàn rất tỉ mỉ: "Văn thị văn phu tử bình nhật chi ngôn, nhân thị thường nhân, tự trí thị tự tận kì cực, tự tha sự ngôn. Nhân ư tha sự

vị năng tự tận, ư thân tang kì khả bất tự tận hồ? Nhược ư thử bất năng tự tận, tắc hà sự năng tận? Nhược ư thử năng tự tận, tắc kì tha diệc suy thị tâm nhi dĩ. Thượng trí chi tư ư lí sở đương nhiên giả, cố bất đãi miễn cưỡng nhi giai cực kì chí; trung nhân dĩ hạ tắc hãn năng chi. Duy phụ mẫu chi tang, ai thống thâm đát, cái kì chân tình bất năng tự dĩ. Thánh nhân chỉ dĩ thị nhân, sử chi tự thức kì lương tâm, phi chuyên vị tang lễ phát dã". 聞是聞夫子平日之言,人是常人,自致是自盡其極,就他事言.人於他事未能自盡,於親喪其可不自盡乎?若於此不能自盡,則何事能盡?若於此能自盡則其他亦推是心而已.上智之資於理所當然者,固不待勉強而皆極其至;中人以下則罕能之.惟父母之喪,哀痛慘恆,蓋其真情不能自己.聖人指以示人,使之自識其良心,非專為喪禮發也.(Nghe là nghe lời thường ngày của Phu Tử, người là người thường, tự đến cùng tột, là tự hết đến cùng tột, đó là nói về việc khác. Người ta đối với việc khác [tuy] có chỗ chưa thể hết lòng, [nhưng] đối với tang cha mẹ có thể không tự hết lòng chăng? Nếu việc đó mà không tự hết lòng thì việc nào có thể hết lòng được? Nếu việc đó có thể tự hết lòng thì những việc khác cũng suy lòng ấy mà thôi. Suy nghĩ của bậc thượng trí đối với cái lí đương nhiên vốn không đợi miễn cưỡng mà đều đến cùng tột; bậc trung nhân trở xuống thì ít có thể hơn. Duy tang cha mẹ, buồn đau thương xót, đại khái sự chân tình không thể bỏ được. Đáng thánh nhân chỉ bảo người ta, khiến cho họ tự hiểu về lương tâm của mình, chứ chẳng phải chuyên ở tang lễ mà phát ra vậy.)

Tóm lại, mặc dù văn bản *Luận ngữ ước giải* bị tàn khuyết khá nhiều (14 thiên trong tổng số 20 thiên), song qua 6 thiên còn lại, chúng ta cũng có thể hình dung được bố cục, cách thức và quan điểm dịch giải văn bản *Luận ngữ*. Có thể nói, đây là tác phẩm dịch giải *Luận ngữ* được biên soạn công phu, có nhiều giá trị trong việc nghiên cứu tiếp nhận kinh điển Nho gia, cũng như sự vận động phát triển của chữ Nôm trong khoảng thế kỉ XVIII-XIX ở Việt Nam.

**B.B.Q**

**Chú thích:**

(1) Bài viết này hoàn thành nhờ sự khuyến khích và góp ý của thầy Nguyễn Kim Sơn và thầy Phạm Ánh Sao. Nhân đây tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy.

(2) Khảo sát toàn văn bản *Tứ thư ước giải* thấy có một số trang chữ khắc mảnh và thưa hơn so với các trang thông thường, do đó rất có thể ván in những trang này đã được khắc lại khi trùng san.

(3) Tác giả Văn Tân trong phần *Tiểu sử Lê Quý Đôn - Phủ biên tạp lục* có lẽ đã căn cứ vào chi tiết này để khẳng định *Tứ thư ước giải* là trước tác của Lê Quý Đôn. Tuy

nhiên, Trần Văn Giáp trong mục *Tiểu truyện Lê Quý Đôn - Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Cao Xuân Huy trong mục *Tiểu sử Lê Quý Đôn - Vân đài loại ngữ*, khi liệt kê trước tác của Lê Quý Đôn đều không nhắc tới tác phẩm này.

**Tài liệu tham khảo**

1. Lê Quý Đôn: *Vân đài loại ngữ*, Trần Văn Giáp biên dịch và khảo cứu, Trần Văn Khang làm sách dẫn, Cao Xuân Huy hiệu đính và giới thiệu, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H. 2006.
2. Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, Viện Sử học dịch, Nxb. KHXH, H. 1977.
3. Chu Hi: *Tân biên chú từ tập thành - Luận ngữ chương cú tập chú*, Trung Hoa thư cục, 1983.
4. Trần Văn Giáp: *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Nxb. KHXH, H. 2003.
5. Phạm Văn Khoái: “Từ *Tứ thư ước giải* đến *Tự Đức thánh chế Luận ngữ thích nghĩa ca* suy nghĩ về bước vận động xây dựng chính tả chữ Nôm”, Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm, 2004.
6. Ngô Đức Thọ - Trịnh Khắc Mạnh: *Cơ sở văn bản học Hán Nôm*, Nxb. KHXH, H. 2006./.